TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2022/QĐST-DS	*Phú Quốc, ngày 22 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 146/2018/TLST – DS ngày 05 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị N,** sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 6/12, Khóm Hòa T, phường M T, thành phố L X, tỉnh A G.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Anh Lê Văn P, sinh năm 1983 (Con ruột bà N)

Địa chỉ: Số 6/12, Khóm Hòa T, phường M T, thành phố L X, tỉnh AG.

*** Bị đơn:** Bà **Cao Thị B,** sinh năm 1972.

Ông **Đặng Tấn T,** sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 71 A, đường Lý Thường K, khu phố 5, phường D Đ thành phố P Q, tỉnh K G.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã Cửa C, thành phố P Q, tỉnh K G.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lê Văn P cùng vợ chồng bà Cao Thị B, Ông Đặng Tấn T và anh Nguyễn Thành L thỏa thuận thống nhất vợ chồng bà B, ông T hỗ trợ chí phí điều trị bệnh cho bà

Lê Thị N là 70.000.000đ, bà B ông T đã thực hiện xong việc thanh toán cho bà N là 50.000.000đ, số tiền còn lại 20.000.000 sẽ thanh toán vào ngày 01/12/2022 DL.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do các bên đương sự tự thoả thuận với nhau nên phải nộp 50% số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 20.000.000đ cụ thể như sau: 20.000.000 x 5% : 2 = 500.000đồng.

Cụ thể vợ chồng bà Cao Thị B, ông Đặng Tấn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 250.000đồng. Bà Lê Thị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 250.000đồng.

Bà Lê Thị N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND thành phố Phú Quốc;*
- *Chi cục THADS thành phố Phú Quốc;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Đương sự.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Tâm